

Phụ lục III
DANH SÁCH CÔNG DÂN ĐỦ ĐIỀU KIỆN SƠ TUYỂN NGHĨA VỤ QUÂN SỰ
VÀ THỰC HIỆN NGHĨA VỤ CÔNG AN NHÂN DÂN NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số 1591/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Họ chữ đệm và tên khai sinh Họ chữ đệm và tên thường dùng Ngày, tháng, năm sinh Số thẻ ăn cước/CCCD	- Nghề nghiệp - Nơi làm việc - Nhóm, ngạch, bậc lương	- Nơi thường trú của bản thân, gia đình - Nơi ở hiện nay của bản thân - Nơi làm việc (nếu có)	TP gia đình TP bản thân Dân tộc, tôn giáo	- Trình độ văn hóa, CMKT - Ngoại ngữ - Đảng, đoàn	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp Họ và tên vợ, năm sinh, nghề nghiệp	Ghi chú
1	Bùi Duy Vỹ	Nông	Minh Tân Bắc - Mô Cây	Làm nông	9/12.	Bùi Ổ 1973	
	11/01/2008	Minh Tân Bắc - Mô Cây	Minh Tân Bắc - Mô Cây	Phụ thuộc		Võ Thị Hồng 1974	
	51208013837			Kinh, không			
2	Hồ Văn Tường	Nông	Minh Tân Bắc - Mô Cây	Làm nông	10/12.	Hồ Vũ 1980	
	13/11/2006	Minh Tân Bắc - Mô Cây	Minh Tân Bắc - Mô Cây	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Thanh Hà 1980	
	51206001954			Kinh, không			
3	Võ Văn Đạt	Nông	Minh Tân Bắc - Mô Cây	Làm nông	9/12.	Võ Hùng 1974	
	20/4/2007	Minh Tân Bắc - Mô Cây	Minh Tân Bắc - Mô Cây	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Như Kiên 1983	
	51207016793			Kinh, không			
4	Nguyễn Văn Sang	Nông	Minh Tân Bắc - Mô Cây	Làm nông	11/12.	Nguyễn Văn Châu 1982	
	21/3/2007	Minh Tân Bắc - Mô Cây	Minh Tân Bắc - Mô Cây	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Sâm 1983	
	51207019661			Kinh, không			
5	Võ Thanh Viên	Nông	Minh Tân Bắc - Mô Cây	Làm nông	11/12.	Võ Văn Khoa 1984	
	14/7/2007	Minh Tân Bắc - Mô Cây	Minh Tân Bắc - Mô Cây	Phụ thuộc		Võ Thị Thu Huy 1986	
	51207021181			Kinh, không			
6	Nguyễn Minh Tân	Nông	Minh Tân Bắc - Mô Cây	Làm nông	9/12	Nguyễn Văn Lập 1982	
	17/8/2007	Minh Tân Bắc - Mô Cây	Minh Tân Bắc - Mô Cây	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Sang 1987	
	51207010372			Kinh, không			
7	Trần Hữu Thiện	Nông	Minh Tân Bắc - Mô Cây	Làm nông	9/12	Trần Văn Tiếng 1984	
	27/11/2007	Minh Tân Bắc - Mô Cây	Minh Tân Bắc - Mô Cây	Phụ thuộc		Lê Thị Liễn 1988	
	51207010681			Kinh, không			
8	Võ Quốc Thiên	Nông	Minh Tân Bắc - Mô Cây	Làm nông	12/12.	Võ Hùng Anh 1984	
	21/5/2007	Minh Tân Bắc - Mô Cây	Minh Tân Bắc - Mô Cây	Phụ thuộc		Dương Thị Nguyệt 1984	
	51207015107			Kinh, không			
9	Lê Văn Đám	Nông	Minh Tân Bắc - Mô Cây	Làm nông	12/12.	Lê Văn Tân 1974	
	12/12/2002	Minh Tân Bắc - Mô Cây	Minh Tân Bắc - Mô Cây	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Dang 1986	
	51202004223			Kinh, không			
10	Lê Thanh Bình	Nông	Minh Tân Bắc - Mô Cây	Làm nông	12/12.	Lê Văn Thái 1960	
	07/08/2002	Minh Tân Bắc - Mô Cây	Minh Tân Bắc - Mô Cây	Phụ thuộc		Trần Thị Luyến 1965	
	51202006770			Kinh, không			
11	Nguyễn Tấn Tuấn Hưng	Nông	Minh Tân Bắc - Mô Cây	Làm nông	12/12.	Nguyễn Tấn Mỹ 1975	
	30/9/2003	Minh Tân Bắc - Mô Cây	Minh Tân Bắc - Mô Cây	Phụ thuộc		Trà Thị Xuân Hà 1979	
	51203004422			Kinh, không			
12	Lê Văn Bảo	Nông	Minh Tân Bắc - Mô Cây	Làm nông	CD	Lê Văn Tân 1974	
	16/8/2001	Minh Tân Bắc - Mô Cây	Minh Tân Bắc - Mô Cây	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Dang 1984	
	51201004943			Kinh, không			
13	Lê Đức Thắng	Nông	Minh Tân Bắc - Mô Cây	Làm nông	12/12.	Lê Văn Công 1979	
	07/02/2004	Minh Tân Bắc - Mô Cây	Minh Tân Bắc - Mô Cây	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Minh Dèo 1982	
	51204008133			Kinh, không			
	Nguyễn Hồng Sơn	Nông	Minh Tân Bắc - Mô Cây	Làm nông	12/12.	Nguyễn Nam 1976	

TT	Họ chữ đệm và tên khai sinh Họ chữ đệm và tên thường dùng Ngày, tháng, năm sinh Số thẻ ăn cước/CCCD	- Nghề nghiệp - Nơi làm việc - Nhóm, ngạch, bậc lương	- Nơi thường trú của bản thân, gia đình - Nơi ở hiện nay của bản thân - Nơi làm việc (nếu có)	TP gia đình TP bản thân Dân tộc, tôn giáo	- Trình độ văn hóa, CMKT - Ngoại ngữ - Đảng, đoàn	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp Họ và tên vợ, năm sinh, nghề nghiệp	Ghi chú
14	04/10/2003 51203000884	Minh Tân Bắc - Mô Cây	Minh Tân Bắc - Mô Cây	Phụ thuộc Kinh, không		Đinh Thị Tuyết 1978	
15	Nguyễn Kiến Quốc 02/12/2004 51204009077	Nông Minh Tân Bắc - Mô Cây	Minh Tân Bắc - Mô Cây	Làm nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12.	Nguyễn Văn Huê 1973 Đinh Thị Ban 1978	
16	Đoàn Trung Hiếu 04/03/2003 51203003012	Nông Minh Tân Bắc - Mô Cây	Minh Tân Bắc - Mô Cây	Làm nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12.	Đoàn Trung Công 1984 Nguyễn Thị Mỹ Lệ 1987	
17	Nguyễn Việt Thái 21/12/2007 51207021219	Nông Minh Tân Bắc - Mô Cây	Minh Tân Bắc - Mô Cây	Làm nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Văn Vương 1977 Nguyễn Thị Trang 1981	
18	Trương Gia Khang 24/8/2007 51207016281	Nông Minh Tân Bắc - Mô Cây	Minh Tân Bắc - Mô Cây	Làm nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Trương Quang Sang Nguyễn Thị Bút 1987	
19	Nguyễn Văn Quảng 03/10/2007 51207017734	Nông Minh Tân Bắc - Mô Cây	Minh Tân Bắc - Mô Cây	Làm nông Phụ thuộc Kinh, không	7/12	Nguyễn Thoàn 1970 Đinh Thị Ước 1970	
20	Đinh Minh Trường 27/02/2004 51204005771	Nông Minh Tân Bắc - Mô Cây	Minh Tân Bắc - Mô Cây	Làm nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12.	Đinh Mơ 1973 Hồ Thị Xô 1977	
21	Trần Văn Tài 23/10/2007 51207011800	Nông Minh Tân Bắc - Mô Cây	Minh Tân Bắc - Mô Cây	Làm nông Phụ thuộc Kinh, không	9/12	Trần Minh Vũ 1970 Nguyễn Thị Tuyết Sương 1986	
22	Nguyễn Thiên Sơn 30/11/2007 51207014226	Nông Minh Tân Bắc - Mô Cây	Minh Tân Bắc - Mô Cây	Làm nông Phụ thuộc Kinh, không	9/12	Nguyễn Tấn Thanh 1978 Nguyễn Thị Hồng Vân 1979	
23	Thiều Tấn Hồng 30/01/2007 51207015072	Nông Minh Tân Nam - Mô Cây	Minh Tân Nam - Mô Cây	Làm nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Thiều Văn Quyết 1973 Phan Thị Lan 1978	
24	Nguyễn Minh Đạt 16/04/2004 51204002647	Nông Minh Tân Nam - Mô Cây	Minh Tân Nam - Mô Cây	Làm nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12.	Nguyễn Minh Tuấn 1976 Lâm Thị Viên 1975	
25	Nguyễn Pha Thịnh 02/07/2001 51201009597	Nông Minh Tân Nam - Mô Cây	Minh Tân Nam - Mô Cây	Làm nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12.	Nguyễn Văn Quỳnh 1966 Nguyễn Thị Pha 1965	
26	Trà Nhật Long 12/05/2005 51205014264	Nông Minh Tân Nam - Mô Cây	Minh Tân Nam - Mô Cây	Làm nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12.	Trà Xuân Ninh 1981 Phạm Thị Thủy Kiều 1985	
27	Nguyễn Khánh Toàn 03/04/2003 51203002525	Nông Minh Tân Nam - Mô Cây	Minh Tân Nam - Mô Cây	Làm nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12.	Nguyễn Nị 1970 Bùi Thị Hồng Tươi 1976	
28	Phùng Ngọc Vỹ 04/11/2006 51206006776	Nông Minh Tân Nam - Mô Cây	Minh Tân Nam - Mô Cây	Làm nông Phụ thuộc Kinh, không	9/12.	Phùng Tấn 1969 Nguyễn Thị Ánh 1970	
29	Nguyễn Hồng An 05/07/2004	Nông Minh Tân Nam - Mô Cây	Minh Tân Nam - Mô Cây	Làm nông Phụ thuộc	12/12.	Nguyễn Thanh Bình 1980 Nguyễn Thị Quyết 1981	

TT	Họ chữ đệm và tên khai sinh Họ chữ đệm và tên thường dùng Ngày, tháng, năm sinh Số thẻ ăn cước/CCCD	- Nghề nghiệp - Nơi làm việc - Nhóm, ngạch, bậc lương	- Nơi thường trú của bản thân, gia đình - Nơi ở hiện nay của bản thân - Nơi làm việc (nếu có)	TP gia đình TP bản thân Dân tộc, tôn giáo	- Trình độ văn hóa, CMKT - Ngoại ngữ - Đảng, đoàn	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp Họ và tên vợ, năm sinh, nghề nghiệp	Ghi chú
	51204012703			Kinh, không			
30	Nguyễn Thành Trung	Nông	Minh Tân Nam - Mô Cây	Làm nông	12/12.	Nguyễn Dệt 1974	
	29/01/2004	Minh Tân Nam - Mô Cây	Minh Tân Nam - Mô Cây	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Tường Vi 1981	
	51204010677			Kinh, không			
31	Nguyễn Đức Lợi	Nông	Minh Tân Nam - Mô Cây	Làm nông	12/12	Nguyễn Bảy 1978	
	20/4/2007	Minh Tân Nam - Mô Cây	Minh Tân Nam - Mô Cây	Phụ thuộc		Trịnh Thị Thu Hà 1981	
	51207019601			Kinh, không			
32	Võ Hữu Tuấn	Nông	Minh Tân Nam - Mô Cây	Làm nông	12/12	Võ Thị Thu Trang 1985	
	14/7/2007	Minh Tân Nam - Mô Cây	Minh Tân Nam - Mô Cây	Phụ thuộc			
	51207020358			Kinh, không			
33	Nguyễn Hữu Tài	Nông	Minh Tân Nam - Mô Cây	Làm nông	9/12	Nguyễn Hữu Dương 1976	
	20/06/2007	Minh Tân Nam - Mô Cây	Minh Tân Nam - Mô Cây	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Phụng 1980	
	51207011694			Kinh, không			
34	Nguyễn Văn Nhân	Nông	Minh Tân Nam - Mô Cây	Làm nông	7/12.	Nguyễn Quân©	
	03/05/2003	Minh Tân Nam - Mô Cây	Minh Tân Nam - Mô Cây	Phụ thuộc		Phan Thị Phương 1968	
	51203006309			Kinh, không			
35	Phan Văn Trường	Nông	Minh Tân Nam - Mô Cây	Làm nông	12/12.	Phan Lập 1971	
	14/11/2004	Minh Tân Nam - Mô Cây	Minh Tân Nam - Mô Cây	Phụ thuộc		Trần Thị Ha 1975	
	51204009076			Kinh, không			
36	Phan Văn Hào	Nông	Minh Tân Nam - Mô Cây	Làm nông	12/12	Phạm Mười	
	17/12/2007	Minh Tân Nam - Mô Cây	Minh Tân Nam - Mô Cây	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Nhanh	
	51207015053			Kinh, không			
37	Đinh Tấn Đặng	Nông	Minh Tân Nam - Mô Cây	Làm nông	12/12.	Đinh Tấn Tây 1965	
	27/4/2001	Minh Tân Nam - Mô Cây	Minh Tân Nam - Mô Cây	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Thích 1965	
	51201010908			Kinh, không			
38	Phan Thanh Quảng	Nông	Minh Tân Nam - Mô Cây	Làm nông	10/12	Phan Văn Hà 1978	
	28/01/2008	Minh Tân Nam - Mô Cây	Minh Tân Nam - Mô Cây	Phụ thuộc		Lê Thị Bé Hoanh 1983	
	51208005791			Kinh, không			
39	Bùi Tấn Dương	Nông	Minh Tân Nam - Mô Cây	Làm nông	12/12.	Bùi Hánh 1958	
	17/7/2002	Minh Tân Nam - Mô Cây	Minh Tân Nam - Mô Cây	Phụ thuộc		Lê Thị Truyen 1957	
	51202003887			Kinh, không			
40	Bùi Duy Khánh	Nông	Minh Tân Nam - Mô Cây	Làm nông	10/12	Bùi Văn Đẹp 1976	
	17/9/2007	Minh Tân Nam - Mô Cây	Minh Tân Nam - Mô Cây	Phụ thuộc		Bùi Thị Hồng Lục 1978	
	51207013538			Kinh, không			
41	Nguyễn Anh Hào	Nông	Minh Tân Nam - Mô Cây	Làm nông	12/12	Nguyễn Thông 1981	
	14/7/2007	Minh Tân Nam - Mô Cây	Minh Tân Nam - Mô Cây	Phụ thuộc		Phạm Thị Thủy 1984	
	51207010376			Kinh, không			
42	Nguyễn Thanh Vương	Nông	Đạm Thủy Bắc - Mô Cây	Làm nông	12/12	Nguyễn Quân 1980	
	24/9/2007	Đạm Thủy Bắc - Mô Cây	Đạm Thủy Bắc - Mô Cây	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Huyền 1984	
	51207020030			Kinh, không			
43	Huỳnh Quốc Thịnh	Nông	Đạm Thủy Bắc - Mô Cây	Làm nông	9/12	Huỳnh Công 1981	
	03/09/2007	Đạm Thủy Bắc - Mô Cây	Đạm Thủy Bắc - Mô Cây	Phụ thuộc		Lê Thị Ngọc Rin 1982	
	51207012821			Kinh, không			
44	Trần Ngọc Đạt	Nông	Đạm Thủy Bắc - Mô Cây	Làm nông	12/12.	Trần Xích 1966	
	11/07/2004	Đạm Thủy Bắc - Mô Cây	Đạm Thủy Bắc - Mô Cây	Phụ thuộc		Trần Thị Út 1974	
	51204013796			Kinh, không			

TT	Họ chữ đệm và tên khai sinh Họ chữ đệm và tên thường dùng Ngày, tháng, năm sinh Số thẻ ăn cước/CCCD	- Nghề nghiệp - Nơi làm việc - Nhóm, ngạch, bậc lương	- Nơi thường trú của bản thân, gia đình - Nơi ở hiện nay của bản thân - Nơi làm việc (nếu có)	TP gia đình TP bản thân Dân tộc, tôn giáo	- Trình độ văn hóa, CMKT - Ngoại ngữ - Đảng, đoàn	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp Họ và tên vợ, năm sinh, nghề nghiệp	Ghi chú
45	Nguyễn Đức Thiện	Nông	Đạm Thủy Bắc - Mô Cây	Làm nông		Nguyễn Hoàng 1977	
	28/7/2007	Đạm Thủy Bắc - Mô Cây	Đạm Thủy Bắc - Mô Cây	Phụ thuộc		Trần Thị Phương Thảo 1986	
	51207012469			Kinh, không			
46	Phạm Quốc Trung	Nông	Đạm Thủy Bắc - Mô Cây	Làm nông	12/12.	Phạm Tấn Bình 1971	
	17/9/2003	Đạm Thủy Bắc - Mô Cây	Đạm Thủy Bắc - Mô Cây	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Rợ 1975	
	51203002450			Kinh, không			
47	Nguyễn Việt Thương	Nông	Đạm Thủy Bắc - Mô Cây	Làm nông	9/12.	Nguyễn Sâm 1959	
	06/03/2006	Đạm Thủy Bắc - Mô Cây	Đạm Thủy Bắc - Mô Cây	Phụ thuộc		Bùi Thị Được 1966	
	51206006694			Kinh, không			
48	Phạm Nghĩa	Nông	Đạm Thủy Bắc - Mô Cây	Làm nông	8/12		
	18/02/2008	Đạm Thủy Bắc - Mô Cây	Đạm Thủy Bắc - Mô Cây	Phụ thuộc		Phạm Thị Dung	
	51208008395			Kinh, không			
49	Lê Thanh Đồng	Nông	Đạm Thủy Bắc - Mô Cây	Làm nông	12/12.	Lê Văn Miên 1967	
	18/6/2005	Đạm Thủy Bắc - Mô Cây	Đạm Thủy Bắc - Mô Cây	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Đào 1970	
	51205010729			Kinh, không			
50	Ngô Công Đến	Nông	Đạm Thủy Bắc - Mô Cây	Làm nông	12/12.		
	01/10/2002	Đạm Thủy Bắc - Mô Cây	Đạm Thủy Bắc - Mô Cây	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Bảy 1968	
	51202004684			Kinh, không			
51	Võ Đức Thuận	Nông	Đạm Thủy Bắc - Mô Cây	Làm nông	12/12.	Võ Văn Nhựt 1973	
	27/05/2004	Đạm Thủy Bắc - Mô Cây	Đạm Thủy Bắc - Mô Cây	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Bé Loan 1982	
	51204010404			Kinh, không			
52	Lê Gia Bảo	Nông	Đạm Thủy Bắc - Mô Cây	Làm nông	12/12	Lê Ngọc Diệp 1984	
	06/11/2007	Đạm Thủy Bắc - Mô Cây	Đạm Thủy Bắc - Mô Cây	Phụ thuộc		Lê Thị Bé Hương 1985	
	51207018422			Kinh, không			
53	Nguyễn Thành Hưng	Nông	Đạm Thủy Bắc - Mô Cây	Làm nông	10/12	Nguyễn Trọng Nghĩa 1977	
	06/08/2007	Đạm Thủy Bắc - Mô Cây	Đạm Thủy Bắc - Mô Cây	Phụ thuộc		Lê Thị Nhân 1971	
	51207000206			Kinh, không			
54	Trịnh Gia Huy	Nông	Đạm Thủy Bắc - Mô Cây	Làm nông	12/12.	Trịnh Thanh 1977	
	11/03/2003	Đạm Thủy Bắc - Mô Cây	Đạm Thủy Bắc - Mô Cây	Phụ thuộc		Võ Thị Quyết 1981	
	51203012580			Kinh, không			
55	Trương Quốc Khánh	Nông	Đạm Thủy Bắc - Mô Cây	Làm nông	12/12.	Trương Văn Hòa 1972	
	23/8/2002	Đạm Thủy Bắc - Mô Cây	Đạm Thủy Bắc - Mô Cây	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Hạnh 1977	
	51202009088			Kinh, không			
56	Nguyễn Thành Pon	Nông	Đạm Thủy Bắc - Mô Cây	Làm nông	9/12.	Nguyễn Văn Lộc 1978	
	06/12/2005	Đạm Thủy Bắc - Mô Cây	Đạm Thủy Bắc - Mô Cây	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Song 1985	
	51205009633			Kinh, không			
57	Cao Quốc Trọng	Nông	Đạm Thủy Bắc - Mô Cây	Làm nông	12/12.		
	24/01/2001	Đạm Thủy Bắc - Mô Cây	Đạm Thủy Bắc - Mô Cây	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Buôn(Hà) 1959	
	51201010451			Kinh, không			
58	Cao Văn Trình	Nông	Đạm Thủy Bắc - Mô Cây	Làm nông	10/12	Cao Hồng Đức 1979	
	20/01/2007	Đạm Thủy Bắc - Mô Cây	Đạm Thủy Bắc - Mô Cây	Phụ thuộc		Trịnh Thị Hồng Phát 1979	
	51207011436			Kinh, không			
59	Nguyễn Trung Kỳ	Nông	Đạm Thủy Nam - Mô Cây	Làm nông	12/12.		
	17/10/2004	Đạm Thủy Nam - Mô Cây	Đạm Thủy Nam - Mô Cây	Phụ thuộc		Nguyễn Đình Kiên 1975	
	51204014054			Kinh, không		Trần Thị Kim Anh 1981	
	Võ Duy Hưng	Nông	Đạm Thủy Nam - Mô Cây	Làm nông	12/12.	Võ Văn Hùng 1974	

TT	Họ chữ đệm và tên khai sinh Họ chữ đệm và tên thường dùng Ngày, tháng, năm sinh Số thẻ ăn cước/CCCD	- Nghề nghiệp - Nơi làm việc - Nhóm, ngạch, bậc lương	- Nơi thường trú của bản thân, gia đình - Nơi ở hiện nay của bản thân - Nơi làm việc (nếu có)	TP gia đình TP bản thân Dân tộc, tôn giáo	- Trình độ văn hóa, CMKT - Ngoại ngữ - Đảng, đoàn	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp Họ và tên vợ, năm sinh, nghề nghiệp	Ghi chú
60	01/05/2002 51202011054	Đạm Thủy Nam - Mô Cây	Đạm Thủy Nam - Mô Cây	Phụ thuộc Kinh, không		Nguyễn Thị Dư 1968	
61	Lý Văn Dũng 01/10/2003 51203011974	Nông Đạm Thủy Nam - Mô Cây	Đạm Thủy Nam - Mô Cây Đạm Thủy Nam - Mô Cây	Làm nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12.	Lý Văn Khánh 1952 Nguyễn Thị Nguyệt	
62	Phạm Duy Hải 22/8/2004 51204004631	Nông Đạm Thủy Nam - Mô Cây	Đạm Thủy Nam - Mô Cây Đạm Thủy Nam - Mô Cây	Làm nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12.	Phạm Dầy 1977 Nguyễn Thị Nga 1984	
63	Nguyễn Văn Lam 20/12/2006 51206004365	Nông Đạm Thủy Nam - Mô Cây	Đạm Thủy Nam - Mô Cây Đạm Thủy Nam - Mô Cây	Làm nông Phụ thuộc Kinh, không	9/12.	Nguyễn Văn Lâm 1975 Phạm Thị Xem 1974	
64	Phạm Nguyễn Hoài Hưng 06/08/2007 51207019210	Nông Đạm Thủy Nam - Mô Cây	Đạm Thủy Nam - Mô Cây Đạm Thủy Nam - Mô Cây	Làm nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Phạm Duy Ngoan 1983 Nguyễn Thị Vân 1987	
65	Phạm Minh Sang 17/4/2007 51207019430	Nông Đạm Thủy Nam - Mô Cây	Đạm Thủy Nam - Mô Cây Đạm Thủy Nam - Mô Cây	Làm nông Phụ thuộc Kinh, không	9/12	Phạm Tấn Quang 1987 Trương Thị Thu Hà	
66	Võ Văn Tính 17/4/2007 51207014170	Nông Đạm Thủy Nam - Mô Cây	Đạm Thủy Nam - Mô Cây Đạm Thủy Nam - Mô Cây	Làm nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Võ Đồng 1975 Phạm Thị Bích 1977	
67	Nguyễn Tấn Phát 28/06/2004 51204010334	Nông Đạm Thủy Nam - Mô Cây	Đạm Thủy Nam - Mô Cây Đạm Thủy Nam - Mô Cây	Làm nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12.	Nguyễn Tốt 1970 Cao Thị ái Phương 1986	
68	Nguyễn Quốc Dũng 18/11/2007 51207016274	Nông Đạm Thủy Nam - Mô Cây	Đạm Thủy Nam - Mô Cây Đạm Thủy Nam - Mô Cây	Làm nông Phụ thuộc Kinh, không	10/12	Nguyễn Văn Bản 1982 Nguyễn Thị Bé Thu 1981	
69	Bùi Văn Nghĩa 27/3/2007 51207011739	Nông Đạm Thủy Nam - Mô Cây	Đạm Thủy Nam - Mô Cây Đạm Thủy Nam - Mô Cây	Làm nông Phụ thuộc Kinh, không		Bùi Văn Toàn Huỳnh Thị Kiều Oanh	
70	Cao Thanh Tiến 24/4/2002 51202006803	Nông Đạm Thủy Nam - Mô Cây	Đạm Thủy Nam - Mô Cây Đạm Thủy Nam - Mô Cây	Làm nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12.	Cao Thanh Vân 1976 Nguyễn Thị Nữ 1975	
71	Lê Phúc Hiệp 27/02/2007 51207020007	Nông Phước Thịnh - Mô Cây	Phước Thịnh - Mô Cây Phước Thịnh - Mô Cây	Làm nông Phụ thuộc Kinh, không	9/10	Lê Văn Xanh Lê Thị Châu	
72	Đoàn Nguyễn Quốc Nhật 03/08/2001 51201005447	Nông Phước Thịnh - Mô Cây	Phước Thịnh - Mô Cây Phước Thịnh - Mô Cây	Làm nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Đoàn Quốc Việt: 1976 Nguyễn Thị Tuyết Nga: 1977	
73	Lê Khánh Trình 06/08/2003 51203003872	Nông Phước Thịnh - Mô Cây	Phước Thịnh - Mô Cây Phước Thịnh - Mô Cây	Làm nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Lê Văn Xuân: 1964Trần Thị Hoa: 1968	
74	Nguyễn Võ Phúc 30/6/2003 51203005598	Nông Phước Thịnh - Mô Cây	Phước Thịnh - Mô Cây Phước Thịnh - Mô Cây	Làm nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Nguyễn Thanh Tùng: 1973 Võ Thị Minh Nguyệt: 1979	
75	Nguyễn Hoàng Khải 14/9/2003	Nông Phước Thịnh - Mô Cây	Phước Thịnh - Mô Cây Phước Thịnh - Mô Cây	Làm nông Phụ thuộc	ĐH	Nguyễn An: 1968 Phạm Thị Hoàng Hảo: 1970	

TT	Họ chữ đệm và tên khai sinh Họ chữ đệm và tên thường dùng Ngày, tháng, năm sinh Số thẻ ăn cước/CCCD	- Nghề nghiệp - Nơi làm việc - Nhóm, ngạch, bậc lương	- Nơi thường trú của bản thân, gia đình - Nơi ở hiện nay của bản thân - Nơi làm việc (nếu có)	TP gia đình TP bản thân Dân tộc, tôn giáo	- Trình độ văn hóa, CMKT - Ngoại ngữ - Đảng, đoàn	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp Họ và tên vợ, năm sinh, nghề nghiệp	Ghi chú
	51203006794			Kinh, không			
76	Nguyễn Văn Vàng	Nông	Phước Thịnh - Mô Cày	Làm nông	12/12	Nguyễn Văn Văn: 1977	
	16/10/2003	Phước Thịnh - Mô Cày	Phước Thịnh - Mô Cày	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Hồng Tín: 1977	
	51203007762			Kinh, không			
77	Trương Ngọc Đoàn	Nông	Phước Thịnh - Mô Cày	Làm nông	ĐH	Trương Ngọc Dân: 1969	
	19/10/2003	Phước Thịnh - Mô Cày	Phước Thịnh - Mô Cày	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Nữ: 1972	
	51203013395			Kinh, không			
78	Đỗ Đăng Nhật	Nông	Phước Thịnh - Mô Cày	Làm nông	ĐH	Đỗ Đăng Nho: 1968	
	25/02/2003	Phước Thịnh - Mô Cày	Phước Thịnh - Mô Cày	Phụ thuộc		Đoàn Thị Ngọc Duyên: 1969	
	51203003081			Kinh, không			
79	Nguyễn Văn Hoàng Trung	Nông	Phước Thịnh - Mô Cày	Làm nông	ĐH	Nguyễn Văn Xanh: 1965	
	06/01/2003	Phước Thịnh - Mô Cày	Phước Thịnh - Mô Cày	Phụ thuộc		Trần Thị Bích Lan: 1969	
	51203002832			Kinh, không			
80	Võ Kim Thân	Nông	Phước Thịnh - Mô Cày	Làm nông	CĐ	Võ Kim Thành: 1977	
	10/02/2004	Phước Thịnh - Mô Cày	Phước Thịnh - Mô Cày	Phụ thuộc		Bùi Thị Nở: 1977	
	51204013735			Kinh, không			
81	Trần Như Khoa	Nông	Phước Thịnh - Mô Cày	Làm nông	CĐ	Trần Như Phở: 1974	
	12/07/2004	Phước Thịnh - Mô Cày	Phước Thịnh - Mô Cày	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Phở: 1976	
	51204002678			Kinh, không			
82	Phan Hoàn Thiện	Nông	Phước Thịnh - Mô Cày	Làm nông	CĐ	Phan Hồng Chín: 1966	
	18 - 01 - 2004	Phước Thịnh - Mô Cày	Phước Thịnh - Mô Cày	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Tuyết: 1969	
	51204008463			Kinh, không			
83	Võ Văn Minh Thuận	Nông	Phước Thịnh - Mô Cày	Làm nông	CĐ	Võ Hòa: 1976	
	29 - 6 - 2004	Phước Thịnh - Mô Cày	Phước Thịnh - Mô Cày	Phụ thuộc		Bùi Thị Minh Thu: 1979	
	51204004523			Kinh, không			
84	Võ Tiến Đạt	Nông	Phước Thịnh - Mô Cày	Làm nông	CĐ	Võ Sương: 1965	
	09/02/2004	Phước Thịnh - Mô Cày	Phước Thịnh - Mô Cày	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Nhung: 1971	
	51204007479			Kinh, không			
85	Lê Duy Quang	Nông	Phước Thịnh - Mô Cày	Làm nông	9/12	Võ Thị Kim Cúc	
	12/04/2007	Phước Thịnh - Mô Cày	Phước Thịnh - Mô Cày	Phụ thuộc			
	51207000586			Kinh, không			
86	Nguyễn Đức Hoàng	Nông	Phước Thịnh - Mô Cày	Làm nông	12/12	Nguyễn Đức Sơn: 1976	
	04/11/2003	Phước Thịnh - Mô Cày	Phước Thịnh - Mô Cày	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Tùng: 1976	
	51203007592			Kinh, không			
87	Lương Thành Đạt	Nông	Phước Thịnh - Mô Cày	Làm nông	9/12	Lương Trọng Hùng	
	06/06/2007	Phước Thịnh - Mô Cày	Phước Thịnh - Mô Cày	Phụ thuộc		Huỳnh Thị Nguyệt	
	51207014850			Kinh, không			
88	Nguyễn Hoàng Anh	Nông	Phước Thịnh - Mô Cày	Làm nông	12/12	Nguyễn An (c)	
	01/02/2006	Phước Thịnh - Mô Cày	Phước Thịnh - Mô Cày	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Nhân: 1969	
	51206009151			Kinh, không			
89	Trần Quang Vinh	Nông	Phước Thịnh - Mô Cày	Làm nông	12/12	Trần Thương	
	29/10/2007	Phước Thịnh - Mô Cày	Phước Thịnh - Mô Cày	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Tý	
	51207022202			Kinh, không			
90	Nguyễn Đức Huỳnh Thanh Lâm	Nông	Lương Nông Bắc - Mô Cày	Làm nông	ĐH	Nguyễn Đức Kiêm: 1960	
	28 - 10 - 2001	Lương Nông Bắc - Mô Cày	Lương Nông Bắc - Mô Cày	Phụ thuộc		Huỳnh Thị Xuân: 1965	
	51201011171			Kinh, không			

TT	Họ chữ đệm và tên khai sinh Họ chữ đệm và tên thường dùng Ngày, tháng, năm sinh Số thẻ ăn cước/CCCD	- Nghề nghiệp - Nơi làm việc - Nhóm, ngạch, bậc lương	- Nơi thường trú của bản thân, gia đình - Nơi ở hiện nay của bản thân - Nơi làm việc (nếu có)	TP gia đình TP bản thân Dân tộc, tôn giáo	- Trình độ văn hóa, CMKT - Ngoại ngữ - Đảng, đoàn	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp Họ và tên vợ, năm sinh, nghề nghiệp	Ghi chú
91	Nguyễn Văn Hậu	Nông	Lương Nông Bắc - Mô Cày	Làm nông	ĐH	Nguyễn Văn Hiếu: 1981	
	18/4/2002	Lương Nông Bắc - Mô Cày	Lương Nông Bắc - Mô Cày	Phụ thuộc		Huỳnh Thị Hiền: 1983	
	51202011114			Kinh, không			
92	Nguyễn Ngọc Tấn Nhân	Nông	Lương Nông Bắc - Mô Cày	Làm nông	ĐH	Nguyễn Ngọc Tấn Hoàng: 1977	
	02/03/2002	Lương Nông Bắc - Mô Cày	Lương Nông Bắc - Mô Cày	Phụ thuộc		Lê Đoàn Mỹ Danh: 1975	
	51202005707			Kinh, không			
93	Phan Gia Huy	Nông	Lương Nông Bắc - Mô Cày	Làm nông	ĐH	Phan Văn Phúc: 1977	
	25/5/2003	Lương Nông Bắc - Mô Cày	Lương Nông Bắc - Mô Cày	Phụ thuộc			
	51203003043			Kinh, không			
94	Nguyễn Nhật Bình	Nông	Lương Nông Bắc - Mô Cày	Làm nông	ĐH	Nguyễn Thanh Hồng: 1964	
	19/6/2003	Lương Nông Bắc - Mô Cày	Lương Nông Bắc - Mô Cày	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Nga: 1963	
	51203009167			Kinh, không			
95	Nguyễn Anh Dương	Nông	Lương Nông Bắc - Mô Cày	Làm nông	ĐH	Nguyễn Thanh Hồng: 1964	
	19/6/2003	Lương Nông Bắc - Mô Cày	Lương Nông Bắc - Mô Cày	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Nga: 1963	
	51203010859			Kinh, không			
96	Nguyễn Thanh Sự	Nông	Lương Nông Bắc - Mô Cày	Làm nông	ĐH	Nguyễn Lược: 1974	
	08/07/2003	Lương Nông Bắc - Mô Cày	Lương Nông Bắc - Mô Cày	Phụ thuộc		Võ Thị Nờ: 1977	
	51203003418			Kinh, không			
97	Nguyễn Công Thành	Nông	Lương Nông Bắc - Mô Cày	Làm nông	ĐH	Nguyễn Tấn Chiêu: 1974	
	08/05/2003	Lương Nông Bắc - Mô Cày	Lương Nông Bắc - Mô Cày	Phụ thuộc		Vũ Thị Mỹ Anh: 1975	
	51203002521			Kinh, không			
98	Trần Quang Sĩ	Nông	Lương Nông Bắc - Mô Cày	Làm nông	ĐH	Trần Quang Khôi: 1970	
	30/5/2003	Lương Nông Bắc - Mô Cày	Lương Nông Bắc - Mô Cày	Phụ thuộc		Ngô Thị Cúa: 1972	
	51203002466			Kinh, không			
99	Trần Cao Điệp	Nông	Lương Nông Bắc - Mô Cày	Làm nông	ĐH	Trần Phi Hoàng : 1982	
	28/02/2003	Lương Nông Bắc - Mô Cày	Lương Nông Bắc - Mô Cày	Phụ thuộc		Cao Thị Thủy : 1979	
	51203002757			Kinh, không			
100	Phan Thành Công	Nông	Lương Nông Bắc - Mô Cày	Làm nông	ĐH	Phan Văn Kiêm: 1967	
	31/12/2003	Lương Nông Bắc - Mô Cày	Lương Nông Bắc - Mô Cày	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Cúa: 1968	
	51203009272			Kinh, không			
101	Nguyễn Quốc Việt	Nông	Lương Nông Bắc - Mô Cày	Làm nông	ĐH	Nguyễn Văn Thời: 1972	
	04/01/2003	Lương Nông Bắc - Mô Cày	Lương Nông Bắc - Mô Cày	Phụ thuộc		Phạm Thị Hoanh: 1976	
	51203012977			Kinh, không			
102	Trương Tấn Tài	Nông	Lương Nông Bắc - Mô Cày	Làm nông	CĐ	Trương Công Trà: 1968 (C)	
	02/01/2004	Lương Nông Bắc - Mô Cày	Lương Nông Bắc - Mô Cày	Phụ thuộc		Phạm Thị Điệp: 1972	
	51204002650			Kinh, không			
103	Trương Văn Lược	Nông	Lương Nông Bắc - Mô Cày	Làm nông	CĐ	Trương Văn Thê: 1953	
	28 - 8 - 2004	Lương Nông Bắc - Mô Cày	Lương Nông Bắc - Mô Cày	Phụ thuộc		Trần Thị Hạt: 1974	
	51204004616			Kinh, không			
104	Trần Anh Thuận	Nông	Lương Nông Bắc - Mô Cày	Làm nông	CĐ	Trần Quang Hiến: 1968	
	15 - 01 - 2004	Lương Nông Bắc - Mô Cày	Lương Nông Bắc - Mô Cày	Phụ thuộc		Đoàn Thị Minh Nga: 1975	
	51204002222			Kinh, không			
105	Bùi Quang Trung	Nông	Lương Nông Bắc - Mô Cày	Làm nông	8/12	Bùi Quang Ngọc	
	08/06/2007	Lương Nông Bắc - Mô Cày	Lương Nông Bắc - Mô Cày	Phụ thuộc		Lê Thị Thức	
	51207020485			Kinh, không			
	Bùi Công Tài	Nông	Lương Nông Bắc - Mô Cày	Làm nông	9/12	Bùi Hà	

TT	Họ chữ đệm và tên khai sinh Họ chữ đệm và tên thường dùng Ngày, tháng, năm sinh Số thẻ ăn cước/CCCD	- Nghề nghiệp - Nơi làm việc - Nhóm, ngạch, bậc lương	- Nơi thường trú của bản thân, gia đình - Nơi ở hiện nay của bản thân - Nơi làm việc (nếu có)	TP gia đình TP bản thân Dân tộc, tôn giáo	- Trình độ văn hóa, CMKT - Ngoại ngữ - Đảng, đoàn	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp Họ và tên vợ, năm sinh, nghề nghiệp	Ghi chú
106	25/4/2007 51207021106	Lương Nông Bắc - Mô Cày	Lương Nông Bắc - Mô Cày	Phụ thuộc Kinh, không		Nguyễn Thị Sót	
107	Trần Như Ý 22/10/2007 51207015382	Nông Lương Nông Bắc - Mô Cày	Lương Nông Bắc - Mô Cày	Làm nông Phụ thuộc Kinh, không	9/12	Trần Ngọc Chương Trịnh Thị Đù	
108	Huỳnh Quốc Nam 18/11/2007 51207010987	Nông Lương Nông Bắc - Mô Cày	Lương Nông Bắc - Mô Cày	Làm nông Phụ thuộc Kinh, không	9/12	Huỳnh Dương Nguyễn Thị Kim Liên	
109	Huỳnh Quốc Việt 18/11/2007 51207011580	Nông Lương Nông Bắc - Mô Cày	Lương Nông Bắc - Mô Cày	Làm nông Phụ thuộc Kinh, không	9/12	Huỳnh Dương Nguyễn Thị Kim Liên	
110	Bùi Anh Tú 17/02/2008 51208007683	Nông Lương Nông Bắc - Mô Cày	Lương Nông Bắc - Mô Cày	Làm nông Phụ thuộc Kinh, không	9/12	Bùi Thương: 1964 Trần Thị Xí: 1962	
111	Huỳnh Tấn Bắc 10/01/2008 51208012929	Nông Lương Nông Bắc - Mô Cày	Lương Nông Bắc - Mô Cày	Làm nông Phụ thuộc Kinh, không	9/12	Huỳnh Dương: 1973 Nguyễn Thị Hồng: 1973	
112	Lê Đức Linh 29/01/2003 51203003270	Nông Lương Nông Bắc - Mô Cày	Lương Nông Bắc - Mô Cày	Làm nông Phụ thuộc Kinh, không	CD	Lê Văn Út: 1974 Nguyễn Thị Phụng: 1978	
113	Lương Triệu Quý 22-8-2004 51204002834	Nông Lương Nông Bắc - Mô Cày	Lương Nông Bắc - Mô Cày	Nông Phụ thuộc Kinh, Không	10/12	Lương Văn Nam: 1969 Nguyễn Thị Huyền: 1970	
114	Nguyễn Hữu Dũng 28/11/2002 51202010385	Nông Lương Nông Nam - Mô Cày	Lương Nông Nam - Mô Cày	Làm nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Nguyễn Hữu Nam: 1975 Nguyễn Thị Thanh Diệu: 1978	
115	Nguyễn Quý 06/11/2006 51206012360	Nông Lương Nông Nam - Mô Cày	Lương Nông Nam - Mô Cày	Làm nông Phụ thuộc Kinh, không	8/12	Nguyễn Thơm: 1977 Nguyễn Thị Nhanh: 1979	
116	Nguyễn Hữu Phú Quý 15/02/2003 51203005951	Nông Lương Nông Nam - Mô Cày	Lương Nông Nam - Mô Cày	Làm nông Phụ thuộc Kinh, không	CĐ	Nguyễn Cứng: 1964 Nguyễn Thị Hường: 1967	
117	Nguyễn Phạm Ngọc Định 19/9/2002 51202006768	Nông Lương Nông Nam - Mô Cày	Lương Nông Nam - Mô Cày	Làm nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Nguyễn Văn Tập: 1976v	
118	Lâm Nguyễn Nhật An 03/09/2002 51202003477	Nông Lương Nông Nam - Mô Cày	Lương Nông Nam - Mô Cày	Làm nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Lâm Hồng Nhật: 1977 Nguyễn Thị Thu Kiều: 1981	
119	Nguyễn Quốc Lộc 10/03/2002 51202008245	Nông Lương Nông Nam - Mô Cày	Lương Nông Nam - Mô Cày	Làm nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Nguyễn Hữu Phước: 1968 Trần Thị Hồng Thúy: 1972	
120	Nguyễn Trọng Phú 25/6/2003 51203013497	Nông Lương Nông Nam - Mô Cày	Lương Nông Nam - Mô Cày	Làm nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Nguyễn Ngọc Kiệp: 1978 Lê Thị Mỹ Tuyền: 1980	
121	Nguyễn Võ Hoàng Văn Hữu 20/7/2003	Nông Lương Nông Nam - Mô Cày	Lương Nông Nam - Mô Cày	Làm nông Phụ thuộc	ĐH	Nguyễn Văn Thọ: 1981 Võ Thị Mười: 1974	

TT	Họ chữ đệm và tên khai sinh Họ chữ đệm và tên thường dùng Ngày, tháng, năm sinh Số thẻ ăn cước/CCCD	- Nghề nghiệp - Nơi làm việc - Nhóm, ngạch, bậc lương	- Nơi thường trú của bản thân, gia đình - Nơi ở hiện nay của bản thân - Nơi làm việc (nếu có)	TP gia đình TP bản thân Dân tộc, tôn giáo	- Trình độ văn hóa, CMKT - Ngoại ngữ - Đảng, đoàn	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp Họ và tên vợ, năm sinh, nghề nghiệp	Ghi chú
	51203008205			Kinh, không			
122	Nguyễn Tuấn Kiệt	Nông	Lương Nông Nam - Mô Cây	Làm nông	ĐH	Nguyễn Văn Chương: 1973 Nguyễn Thị Thảo: 1975	
	04/09/2003	Lương Nông Nam - Mô Cây	Lương Nông Nam - Mô Cây	Phụ thuộc			
	51203013170			Kinh, không			
123	Nguyễn Công Minh	Nông	Lương Nông Nam - Mô Cây	Làm nông	CD	Nguyễn Phước Nguyên: 1976	
	28 - 11 - 2004	Lương Nông Nam - Mô Cây	Lương Nông Nam - Mô Cây	Phụ thuộc		Trần Thị Thảo: 1977	
	51204011239			Kinh, không			
124	Nguyễn Tấn Duy	Nông	Lương Nông Nam - Mô Cây	Làm nông	12/12	Nguyễn Tấn Triên:	
	04/08/2003	Lương Nông Nam - Mô Cây	Lương Nông Nam - Mô Cây	Phụ thuộc		Bùi Thị Bé: 1980	
	51203012655			Kinh, không			
125	Phan Đình Cơ	Nông	Lương Nông Nam - Mô Cây	Làm nông	CD	Phan Đình Lưu : 1977	
	27-12-2004	Lương Nông Nam - Mô Cây	Lương Nông Nam - Mô Cây	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Linh: 1983	
	51204011085			Kinh, không			
126	Lâm Thanh Long	Nông	Lương Nông Nam - Mô Cây	Làm nông	CD	Lâm Thanh Tùng: 1972	
	27 - 9 - 2004	Lương Nông Nam - Mô Cây	Lương Nông Nam - Mô Cây	Phụ thuộc		Phạm Thị Hát: 1974	
	51204009017			Kinh, không			
127	Nguyễn Vũ Khải	Nông	Lương Nông Nam - Mô Cây	Làm nông	CD	Nguyễn Ánh Dương 1978	
	10/02/2004	Lương Nông Nam - Mô Cây	Lương Nông Nam - Mô Cây	Phụ thuộc		Võ Thị Thanh Tâm: 1975	
	51204004573			Kinh, không			
128	Lê Nguyễn Nhất Huy	Nông	Lương Nông Nam - Mô Cây	Làm nông	9/12	Lê Đình Truyền	
	01/09/2007	Lương Nông Nam - Mô Cây	Lương Nông Nam - Mô Cây	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Thanh Thủy	
	51207013568			Kinh, không			
129	Nguyễn Thành Long	Nông	Lương Nông Nam - Mô Cây	Làm nông	9/12	Nguyễn Bạch	
	18/6/2007	Lương Nông Nam - Mô Cây	Lương Nông Nam - Mô Cây	Phụ thuộc		Trần Thị Thu	
	51207014218			Kinh, không			
130	Trương Quang Khánh	Nông	Đôn Lương -Mô Cây	Làm nông	12/12	Trương Thanh Châu: 1974	
	03/09/2005	Đôn Lương -Mô Cây	Đôn Lương -Mô Cây	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Bé: 1974	
	512050078075			Kinh, không			
131	Võ Quốc Huy	Nông	Đôn Lương -Mô Cây	Làm nông	12/12	Võ Nam: 1977	
	19/8/2002	Đôn Lương -Mô Cây	Đôn Lương -Mô Cây	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Bé: 1978	
	51202000959			Kinh, không			
132	Trịnh Phạm Tuyền	Nông	Đôn Lương -Mô Cây	Làm nông	9/12	Trịnh Ngọc Mạnh: 1980	
	10/04/2006	Đôn Lương -Mô Cây	Đôn Lương -Mô Cây	Phụ thuộc		Phạm Thị Xanh: 1984	
	51206013734			Kinh, không			
133	Nguyễn Thành Thanh Bảo	Nông	Đôn Lương -Mô Cây	Làm nông	CD	Nguyễn Thanh Út: 1981	
	14 / 5 / 2004	Đôn Lương -Mô Cây	Đôn Lương -Mô Cây	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Thanh Sa: 1982	
	51204005517			Kinh, không			
134	Nguyễn Văn Truyền	Nông	Đôn Lương -Mô Cây	Làm nông	CD	Nguyễn Văn Tuấn: 1973	
	25 - 10 - 2004	Đôn Lương -Mô Cây	Đôn Lương -Mô Cây	Phụ thuộc		Võ Thị Lồng: 1982	
	51204011678			Kinh, không			
135	Nguyễn Văn Cao Thành Luận	Nông	Đôn Lương -Mô Cây	Làm nông	9/12	Nguyễn Văn Sáng	
	15/12/2007	Đôn Lương -Mô Cây	Đôn Lương -Mô Cây	Phụ thuộc		Cao Thị Mười	
	51207015813			Kinh, không			
136	Huỳnh Văn Minh	Nông	Đôn Lương -Mô Cây	Làm nông	12/12	Huỳnh Văn Thông	
	05/04/2007	Đôn Lương -Mô Cây	Đôn Lương -Mô Cây	Phụ thuộc		Lê Thị Ly	
	51207022103			Kinh, không			

TT	Họ chữ đệm và tên khai sinh Họ chữ đệm và tên thường dùng Ngày, tháng, năm sinh Số thẻ ăn cước/CCCD	- Nghề nghiệp - Nơi làm việc - Nhóm, ngạch, bậc lương	- Nơi thường trú của bản thân, gia đình - Nơi ở hiện nay của bản thân - Nơi làm việc (nếu có)	TP gia đình TP bản thân Dân tộc, tôn giáo	- Trình độ văn hóa, CMKT - Ngoại ngữ - Đảng, đoàn	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp Họ và tên vợ, năm sinh, nghề nghiệp	Ghi chú
137	Nguyễn Thành Ánh	Nông	Thôn 1 - Mỏ Cây	Làm nông	12/12.	Nguyễn Thành Ngón	
	02/07/2004	Thôn 1 - Mỏ Cây	Thôn 1 - Mỏ Cây	Phụ thuộc		Bùi Thị Ánh Ly	
	51204009946			Kinh, không			
138	Nguyễn Quang Vũ	Nông	Thôn 1 - Mỏ Cây	Làm nông	12/12.	Nguyễn Quang Lương	
	05/10/2004	Thôn 1 - Mỏ Cây	Thôn 1 - Mỏ Cây	Phụ thuộc		Huỳnh Thị Trang	
	51204011439			Kinh, không			
139	Nguyễn Ngọc Đức	Nông	Thôn 1 - Mỏ Cây	Làm nông	12/12.	Nguyễn Ngọc Phúc	
	20/2/2007	Thôn 1 - Mỏ Cây	Thôn 1 - Mỏ Cây	Phụ thuộc		Đậu Thị Mỹ	
	51207000736			Kinh, không			
140	Trần Đình Tín	Nông	Thôn 1 - Mỏ Cây	Làm nông	12/12.	Trần Thị Mạnh	
	09/08/2005	Thôn 1 - Mỏ Cây	Thôn 1 - Mỏ Cây	Phụ thuộc			
	51205008026			Kinh, không			
141	Nguyễn Xuân Tiến	Nông	Thôn 1 - Mỏ Cây	Làm nông	12/12.	Nguyễn Mười	
	19/05/2005	Thôn 1 - Mỏ Cây	Thôn 1 - Mỏ Cây	Phụ thuộc		Phạm Thị Cúc	
	51205012617			Kinh, không			
142	Nguyễn Nam Giang	Nông	Thôn 1 - Mỏ Cây	Làm nông	12/12.	Nguyễn Quang Tám	
	24/11/2003	Thôn 1 - Mỏ Cây	Thôn 1 - Mỏ Cây	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Hồng Cẩm	
	51203002429			Kinh, không			
143	Trần Việt Trọng	Nông	Thôn 1 - Mỏ Cây	Làm nông	12/12	Trần Văn Hùng; 12/10/1970	
	21/9/2003	Thôn 1 - Mỏ Cây	Thôn 1 - Mỏ Cây	Phụ thuộc		Trần Thị Thiệt; 11/9/1970	
	51203002434			Kinh, không			
144	Trần Quang Đạt	Nông	Thôn 1 - Mỏ Cây	Làm nông	12/12	Trần Đức Nghiêm	
	12/11/2003	Thôn 1 - Mỏ Cây	Thôn 1 - Mỏ Cây	Phụ thuộc	ĐH	Nguyễn Thị Ẽn	
	51203002544			Kinh, không			
145	Trần Anh Quang	Nông	Thôn 2 - Mỏ Cây	Làm nông	12/12	Trần Anh Chút; 12/8/1978	
	01/09/2002	Thôn 2 - Mỏ Cây	Thôn 2 - Mỏ Cây	Phụ thuộc	ĐH	Nguyễn Thị Đà; 07/4/1983	
	51202008523			Kinh, không			
146	Lương Quốc Đạt	Nông	Thôn 2 - Mỏ Cây	Làm nông	12/12	Lương Văn Ứt; 03/3/1982	
	15/10/2004	Thôn 2 - Mỏ Cây	Thôn 2 - Mỏ Cây	Phụ thuộc	CĐ	Trần Thị Hòa; 24/7/1984	
	51204005286			Kinh, không			
147	Thân Hoàng Nhật	Nông	Thôn 2 - Mỏ Cây	Làm nông	12/12	Thân Đi; 20/10/1969	
	04/11/2004	Thôn 2 - Mỏ Cây	Thôn 2 - Mỏ Cây	Phụ thuộc		Trần Thị Lệ Hằng; 02/12/1970	
	51204008476			Kinh, không			
148	Nguyễn Ngọc Duy Nhất	Nông	Thôn 2 - Mỏ Cây	Làm nông	12/12	Nguyễn Ngọc Hưng	
	06/07/2007	Thôn 2 - Mỏ Cây	Thôn 2 - Mỏ Cây	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Nguyệt	
	51207020621			Kinh, không			
149	Đoàn Bảo Nguyên	Nông	Thôn 2 - Mỏ Cây	Làm nông	12/12	Đoàn Văn Cường	
	10/07/2007	Thôn 2 - Mỏ Cây	Thôn 2 - Mỏ Cây	Phụ thuộc		Cao Thị Tường Vy	
	51207016730			Kinh, không			
150	Thân Văn Quân	Nông	Thôn 2 - Mỏ Cây	Làm nông	12/12	Thân Tấn Quang	
	09/08/2007	Thôn 2 - Mỏ Cây	Thôn 2 - Mỏ Cây	Phụ thuộc		Huỳnh Thị Hoàng	
	51207018090			Kinh, không			
151	Nguyễn Quốc Kiệt	Nông	Thôn 2 - Mỏ Cây	Làm nông	12/12	Nguyễn Quốc Anh	
	03/03/2007	Thôn 2 - Mỏ Cây	Thôn 2 - Mỏ Cây	Phụ thuộc		Võ Thị Lệ Huyền	
	51207010234			Kinh, không			
	Bùi Quang Thi	Nông	Thôn 2 - Mỏ Cây	Làm nông	12/12	Bùi Quang Hương; 19/7/1969	

TT	Họ chữ đệm và tên khai sinh Họ chữ đệm và tên thường dùng Ngày, tháng, năm sinh Số thẻ ăn cước/CCCD	- Nghề nghiệp - Nơi làm việc - Nhóm, ngạch, bậc lương	- Nơi thường trú của bản thân, gia đình - Nơi ở hiện nay của bản thân - Nơi làm việc (nếu có)	TP gia đình TP bản thân Dân tộc, tôn giáo	- Trình độ văn hóa, CMKT - Ngoại ngữ - Đảng, đoàn	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp Họ và tên vợ, năm sinh, nghề nghiệp	Ghi chú
152	10/08/2004	Thôn 2 - Mỏ Cây	Thôn 2 - Mỏ Cây	Phụ thuộc	ĐH	Nguyễn Thị Sáu; 12/02/1970	
	51204012360			Kinh, không			
153	Huỳnh Tấn Qui	Nông	Thôn 2 - Mỏ Cây	Làm nông	12/12	Huỳnh Tấn Pháp; 18/10/1977	
	18/4/2003	Thôn 2 - Mỏ Cây	Thôn 2 - Mỏ Cây	Phụ thuộc	CD	Ng Thị Ngọc Diệp; 18/8/1981	
	51203011831			Kinh, không			
154	Nguyễn Duy Thạch	Nông	Thôn 2 - Mỏ Cây	Làm nông	11/12.	Nguyễn Duy Thảo; 20/10/1981	
	10/02/2007	Thôn 2 - Mỏ Cây	Thôn 2 - Mỏ Cây	Phụ thuộc		Huỳnh Thị Xuân; 05/7/1977	
	51207015111			Kinh, không			
155	Trần Vũ Hưng	Nông	Thôn 2 - Mỏ Cây	Làm nông	12/12.	Trần Văn Tâm	
	20/08/2003	Thôn 2 - Mỏ Cây	Thôn 2 - Mỏ Cây	Phụ thuộc		Trần Thị Ghi Quanh	
	51203013943			Kinh, không			
156	Nguyễn Chí Thành	Nông	Thôn 3 - Mỏ Cây	Làm nông	12/12.	Nguyễn Văn Tịnh; 1975	
	28/1/2004	Thôn 3 - Mỏ Cây	Thôn 3 - Mỏ Cây	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Kim Phụng	
	51204002987			Kinh, không			
157	Lê Tuấn Trung	Nông	Thôn 2 - Mỏ Cây	Làm nông	12/12.	Lê Tuấn Huy	
	20/01/2008	Thôn 2 - Mỏ Cây	Thôn 2 - Mỏ Cây	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Trang	
	51208007341			Kinh, không			
158	Trần Nhân Khoa	Nông	Thôn 2 - Mỏ Cây	Làm nông	12/12.	Trần Văn Thắm	
	05/10/2007	Thôn 2 - Mỏ Cây	Thôn 2 - Mỏ Cây	Phụ thuộc		Ngô Thị Tháo	
	51207000069			Kinh, không			
159	Đoàn Văn Hữu Hiệu	Nông	Thôn 2 - Mỏ Cây	Làm nông	12/12.	Đoàn Văn Bảy	
	08/01/2002	Thôn 2 - Mỏ Cây	Thôn 2 - Mỏ Cây	Phụ thuộc		Trần Thị Một	
	51202010233			Kinh, không			
160	Trần Văn Triển	Nông	Thôn 2 - Mỏ Cây	Làm nông	12/12.	Trần Văn Nhà	
	22/10/2007	Thôn 2 - Mỏ Cây	Thôn 2 - Mỏ Cây	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Thủy	
	51207000634			Kinh, không			
161	Nguyễn Lê Phạm Cường	Nông	Thôn 2 - Mỏ Cây	Làm nông	12/12.	Nguyễn Đức Bảy	
	12/06/2007	Thôn 2 - Mỏ Cây	Thôn 2 - Mỏ Cây	Phụ thuộc		Lê Thị Kim quyen	
	46207000900			Kinh, không			
162	Trần Quốc Nhân	Nông	Thôn 3 - Mỏ Cây	Làm nông	12/12	Trần Quốc Hùng	
	22/02/2007	Thôn 3 - Mỏ Cây	Thôn 3 - Mỏ Cây	Phụ thuộc		Trần Thị Thiệu	
	51207017827			Kinh, không			
163	Đoàn Văn Huy	Nông	Thôn 3 - Mỏ Cây	Làm nông	12/12	Đoàn Văn Phận; 05/05/1979	
	24/4/2004	Thôn 3 - Mỏ Cây	Thôn 3 - Mỏ Cây	Phụ thuộc		Ngô Thị Hoanh; 01/02/1982	
	51204006171			Kinh, không			
164	Nguyễn Quang Thái	Nông	Thôn 3 - Mỏ Cây	Làm nông	12/12	Nguyễn Hải An; 25/5/1973	
	16/9/2004	Thôn 3 - Mỏ Cây	Thôn 3 - Mỏ Cây	Phụ thuộc	CD	Cao Thị Tuyết Trinh; 20/10/1976	
	51204006948			Kinh, không			
165	Nguyễn Lý Đan Trường	Nông	Thôn 3 - Mỏ Cây	Làm nông	12/12	Nguyễn Mừng;	
	01/06/2003	Thôn 3 - Mỏ Cây	Thôn 3 - Mỏ Cây	Phụ thuộc	ĐH	Lý Thị Phú	
	51203001768			Kinh, không			
166	La Đức Long	Nông	Thôn 3 - Mỏ Cây	Làm nông	12/12	La Văn Thuyền; 08/02/1980	
	28/01/2004	Thôn 3 - Mỏ Cây	Thôn 3 - Mỏ Cây	Phụ thuộc		Ngô Thị Cẩm Lai; 03/12/1983	
	51204004302			Kinh, không			
167	Nguyễn Võ Tấn Anh	Nông	Thôn 3 - Mỏ Cây	Làm nông	12/12	Võ Thị Xuân Nương; 15/11/1974	
	17/1/2003	Thôn 3 - Mỏ Cây	Thôn 3 - Mỏ Cây	Phụ thuộc			

TT	Họ chữ đệm và tên khai sinh Họ chữ đệm và tên thường dùng Ngày, tháng, năm sinh Số thẻ ăn cước/CCCD	- Nghề nghiệp - Nơi làm việc - Nhóm, ngạch, bậc lương	- Nơi thường trú của bản thân, gia đình - Nơi ở hiện nay của bản thân - Nơi làm việc (nếu có)	TP gia đình TP bản thân Dân tộc, tôn giáo	- Trình độ văn hóa, CMKT - Ngoại ngữ - Đảng, đoàn	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp Họ và tên vợ, năm sinh, nghề nghiệp	Ghi chú
168	Nguyễn Văn Vu	Nông	Thôn 3 - Mỏ Cây	Làm nông	12/12	Nguyễn Văn Tự; 1973	
	25/7/2003	Thôn 3 - Mỏ Cây	Thôn 3 - Mỏ Cây	Phụ thuộc		Bùi Thị Chi; 24/11/1972	
	51203002204			Kinh, không			
169	Trần Thanh Châu Phúc	Nông	Thôn 3 - Mỏ Cây	Làm nông	12/12	Trần Thanh Vũ	
	30/6/2004	Thôn 3 - Mỏ Cây	Thôn 3 - Mỏ Cây	Phụ thuộc	CD	Cao Thị Lài	
	51204001839			Kinh, không			
170	Nguyễn Đức Phú	Nông	Thôn 3 - Mỏ Cây	Làm nông	12/12	Nguyễn Đức Trọng; 01/8/1971	
	09/08/2004	Thôn 3 - Mỏ Cây	Thôn 3 - Mỏ Cây	Phụ thuộc	CD	Ng Thị Thu Thủy; 05/8/1972	
	51204013325			Kinh, không			
171	Nguyễn Hữu Đại	Nông	Thôn 3 - Mỏ Cây	Làm nông	12/12.	Nguyễn Văn Nhân	
	02/07/2004	Thôn 3 - Mỏ Cây	Thôn 3 - Mỏ Cây	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Kim Tuyền	
	51204010014			Kinh, không			
172	Nguyễn Mạnh Trường	Nông	Thôn 3 - Mỏ Cây	Làm nông	12/12.	Nguyễn Tấn Mạnh	
	20/9/2004	Thôn 3 - Mỏ Cây	Thôn 3 - Mỏ Cây	Phụ thuộc		Võ Thị Hoàng Trang	
	51204004522			Kinh, không			
173	Trịnh Công Thục	Nông	Thôn 3 - Mỏ Cây	Làm nông	12/12.	Trịnh Công Hiệp	
	18/08/2002	Thôn 3 - Mỏ Cây	Thôn 3 - Mỏ Cây	Phụ thuộc		Trần Thị Thủy	
	51202000997			Kinh, không			
174	Bùi Đan Trường	Nông	Thôn 3 - Mỏ Cây	Làm nông	12/12.	Bùi Thị Tuyết Nga	
	13/4/2005	Thôn 3 - Mỏ Cây	Thôn 3 - Mỏ Cây	Phụ thuộc			
	51205011699			Kinh, không			
175	La Văn Đô	Nông	Thôn 3 - Mỏ Cây	Làm nông	12/12.	La Văn Triệu	
	30/10/2005	Thôn 3 - Mỏ Cây	Thôn 3 - Mỏ Cây	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Thu Mỹ	
	51205001291			Kinh, không			
176	Nguyễn Gia Bảo	Nông	Thôn 3 - Mỏ Cây	Làm nông	12/12	Nguyễn Văn Tiền	
	14/08/2007	Thôn 3 - Mỏ Cây	Thôn 3 - Mỏ Cây	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Thu Nguyệt	
	51207011607			Kinh, không			
177	Nguyễn Thái Sơn	Nông	Thôn 3 - Mỏ Cây	Làm nông	12/12	Nguyễn Quang Hoài	
	14/03/2007	Thôn 3 - Mỏ Cây	Thôn 3 - Mỏ Cây	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Pha	
	58207003818			Kinh, không			
178	Lê Minh Tường	Nông	Thôn 4 - Mỏ Cây	Làm nông	9/12	Lê Hữu Thần; 05/3/1973	
	10/09/2003	Thôn 4 - Mỏ Cây	Thôn 4 - Mỏ Cây	Phụ thuộc		Lê Thị Tùng; 01/01/1975	
	51203003416			Kinh, không			
179	Nguyễn Trường Khánh	Nông	Thôn 4 - Mỏ Cây	Làm nông	12/12	Nguyễn Trường Quốc; 20/8/1983	
	29/03/2006	Thôn 4 - Mỏ Cây	Thôn 4 - Mỏ Cây	Phụ thuộc		Phan Thị Bình;	
	51206001152			Kinh, không			
180	Nguyễn Văn Sơn	Nông	Thôn 4 - Mỏ Cây	Làm nông	12/12	Nguyễn Nghị; 20/5/1973	
	16/3/2000	Thôn 4 - Mỏ Cây	Thôn 4 - Mỏ Cây	Phụ thuộc		Đàm Thị Lượm; 20/5/1980	
	51200003579			Kinh, không			
181	Nguyễn Lâm Đông Du	Nông	Thôn 4 - Mỏ Cây	Làm nông	12/12	Nguyễn Tuấn Kiệt; 20/6/1975	
	17/12/2002	Thôn 4 - Mỏ Cây	Thôn 4 - Mỏ Cây	Phụ thuộc		Phan Thị Cúc; 20/10/1981	
	51202006740			Kinh, không			
182	Lê Quang Khải	Nông	Thôn 4 - Mỏ Cây	Làm nông	12/12	Lê Văn Chít; 10/01/1971	
	25/10/1998	Thôn 4 - Mỏ Cây	Thôn 4 - Mỏ Cây	Phụ thuộc		Trần Thị Phụng; 27/02/1973	
	51098006560			Kinh, không			
	Nguyễn Tấn Lập	Nông	Thôn 4 - Mỏ Cây	Làm nông	12/12	Nguyễn Đoàn; 10/5/1975	

TT	Họ chữ đệm và tên khai sinh Họ chữ đệm và tên thường dùng Ngày, tháng, năm sinh Số thẻ ăn cước/CCCD	- Nghề nghiệp - Nơi làm việc - Nhóm, ngạch, bậc lương	- Nơi thường trú của bản thân, gia đình - Nơi ở hiện nay của bản thân - Nơi làm việc (nếu có)	TP gia đình TP bản thân Dân tộc, tôn giáo	- Trình độ văn hóa, CMKT - Ngoại ngữ - Đảng, đoàn	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp Họ và tên vợ, năm sinh, nghề nghiệp	Ghi chú
183	20/10/2003	Thôn 4 - Mỏ Cây	Thôn 4 - Mỏ Cây	Phụ thuộc	ĐH	Nguyễn Thị Kiến; 10/5/1975	
	51203002564			Kinh, không			
184	Nguyễn Thanh Sang	Nông	Thôn 4 - Mỏ Cây	Làm nông	12/12ĐH	Nguyễn Văn Đến 04/10/1971	
	24/11/2003	Thôn 4 - Mỏ Cây	Thôn 4 - Mỏ Cây	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Dân; 1974	
	51203002552			Kinh, không			
185	Võ Văn Hồng Phúc	Nông	Thôn 4 - Mỏ Cây	Làm nông	12/12	Võ Văn Trung; 25/4/1981	
	02/02/2005	Thôn 4 - Mỏ Cây	Thôn 4 - Mỏ Cây	Phụ thuộc	CĐ	Nguyễn Thị Hòa; 13/7/1986	
	51205008955			Kinh, không			
186	Bùi Ngọc Phụng	Nông	Thôn 4 - Mỏ Cây	Làm nông	12/12	Bùi An; 10/3/1975	
	27/2/2002	Thôn 4 - Mỏ Cây	Thôn 4 - Mỏ Cây	Phụ thuộc	CĐ	Nguyễn Thị Bắc; 01/01/1973	
	51202009647			Kinh, không			
187	Nguyễn Quốc Tường	Nông	Thôn 4 - Mỏ Cây	Làm nông	12/12	Nguyễn Văn Thiệu	
	28/02/2008	Thôn 4 - Mỏ Cây	Thôn 4 - Mỏ Cây	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Anh Việt	
	51208008666			Kinh, không			
188	Nguyễn Phi Long	Nông	Thôn 4 - Mỏ Cây	Làm nông	12/12	Nguyễn Đà; 15/7/1974	
	21/1/2003	Thôn 4 - Mỏ Cây	Thôn 4 - Mỏ Cây	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Thúy; 4/10/1974	
	51203002998			Kinh, không			
189	Nguyễn Ngọc Nhật	Nông	Thôn 4 - Mỏ Cây	Làm nông	12/12	Nguyễn Ngọc Lý; 10/10/1977	
	14/9/2001	Thôn 4 - Mỏ Cây	Thôn 4 - Mỏ Cây	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Sương; 04/04/1982	
	51201012050			Kinh, không			
190	Ngô Hữu Tiên	Nông	Thôn 4 - Mỏ Cây	Làm nông	12/12	Ngô Hữu Việt; 20/9/1976	
	09/09/2004	Thôn 4 - Mỏ Cây	Thôn 4 - Mỏ Cây	Phụ thuộc	CĐ	Trần Thị Hạnh; 06/3/1976	
	51204006996			Kinh, không			
191	Bùi Minh Hòa	Nông	Thôn 4 - Mỏ Cây	Làm nông	12/12	Bùi Quang Hiếu; 10/12/1970	
	04/04/2004	Thôn 4 - Mỏ Cây	Thôn 4 - Mỏ Cây	Phụ thuộc	CĐ	Phạm Thị Sáu; 12/12/1972	
	51204012633			Kinh, không			
192	Trần Tuấn Trải	Nông	Thôn 4 - Mỏ Cây	Làm nông	12/12	Trần Thanh Việt 01/01/1974	
	23/6/2001	Thôn 4 - Mỏ Cây	Thôn 4 - Mỏ Cây	Phụ thuộc	ĐH	Phan Thị Nga; 21/3/1977	
	51201009871			Kinh, không			
193	Nguyễn Văn Nhó	Nông	Thôn 4 - Mỏ Cây	Làm nông	12/12	Nguyễn Minh Tuấn	
	02/10/2007	Thôn 4 - Mỏ Cây	Thôn 4 - Mỏ Cây	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Lệ Chí	
	51207000764			Kinh, không			
194	Cao Tấn Cường	Nông	Thôn 4 - Mỏ Cây	Làm nông	12/12	Cao Tấn Hòa	
	22/11/2007	Thôn 4 - Mỏ Cây	Thôn 4 - Mỏ Cây	Phụ thuộc		Nguyễn Bế Thủy	
	51207018063			Kinh, không			
195	Đỗ Thanh Tuệ	Nông	Thôn 4 - Mỏ Cây	Làm nông	10/12.	Đỗ Thành Trí	
	01/10/2003	Thôn 4 - Mỏ Cây	Thôn 4 - Mỏ Cây	Phụ thuộc		Đặng Thị Oanh	
	51203002830			Kinh, không			
196	Bùi Ngọc Thanh Thuận	Nông	Thôn 4 - Mỏ Cây	Làm nông	11/12	Bùi Ngọc Thiệu	
	14/7/2007	Thôn 4 - Mỏ Cây	Thôn 4 - Mỏ Cây	Phụ thuộc		Bùi Thị Hoài Thu; 02/01/1973	
	51207019424			Kinh, không			
197	Võ Minh Tiến	Nông	Thôn 5 - Mỏ Cây	Làm nông	12/12	Võ Văn Cảnh; 10/10/1964	
	17/1/2003	Thôn 5 - Mỏ Cây	Thôn 5 - Mỏ Cây	Phụ thuộc	CĐ	Nguyễn Thị Quới; 10/10/1965	
	51203003268			Kinh, không			
198	Nguyễn Quang Hiệp	Nông	Thôn 5 - Mỏ Cây	Làm nông	12/12CĐ	Nguyễn Thắng; 10/10/1970v	
	14/4/2003	Thôn 5 - Mỏ Cây	Thôn 5 - Mỏ Cây	Phụ thuộc			

TT	Họ chữ đệm và tên khai sinh Họ chữ đệm và tên thường dùng Ngày, tháng, năm sinh Số thẻ ăn cước/CCCD	- Nghề nghiệp - Nơi làm việc - Nhóm, ngạch, bậc lương	- Nơi thường trú của bản thân, gia đình - Nơi ở hiện nay của bản thân - Nơi làm việc (nếu có)	TP gia đình TP bản thân Dân tộc, tôn giáo	- Trình độ văn hóa, CMKT - Ngoại ngữ - Đảng, đoàn	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp Họ và tên vợ, năm sinh, nghề nghiệp	Ghi chú
	51203000930			Kinh, không			
199	Trần Đức Tường	Nông	Thôn 5 - Mỏ Cây	Làm nông	12/12	Trần Văn Kiên; 1968	
	01/10/2003	Thôn 5 - Mỏ Cây	Thôn 5 - Mỏ Cây	Phụ thuộc	CD	Trần Thị Bích Hà; 1971	
	51203002202			Kinh, không			
200	Trần Triết Chí	Nông	Thôn 5 - Mỏ Cây	Làm nông	12/12	Trần Ngọc Hiếu	
	10/07/2004	Thôn 5 - Mỏ Cây	Thôn 5 - Mỏ Cây	Phụ thuộc	CD	Nguyễn Thị Điệp	
	51204002144			Kinh, không			
201	Nguyễn Thanh Trường	Nông	Thôn 5 - Mỏ Cây	Làm nông	9/12.	Nguyễn Thanh Tâm	
	14/12/2007	Thôn 5 - Mỏ Cây	Thôn 5 - Mỏ Cây	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Thu Hoa	
	51207014213			Kinh, không			
202	Nguyễn Văn Thống	Nông	Thôn 6 - Mỏ Cây	Làm nông	10/12.	Nguyễn Tường 1978	
	20/8/2000	Thôn 6 - Mỏ Cây	Thôn 6 - Mỏ Cây	Phụ thuộc		Trần Thị Phú 1981	
	51200008815			Kinh, không			
203	Ngô Đình Khẩn	Nông	Thôn 5 - Mỏ Cây	Làm nông	9/12.	Ngô Đình Long	
	01/06/2004	Thôn 5 - Mỏ Cây	Thôn 5 - Mỏ Cây	Phụ thuộc		Lê Thị Mỹ Hương	
	51204009315			Kinh, không			
204	Bùi Trọng Phúc	Nông	Thôn 5 - Mỏ Cây	Làm nông	9/12.	Bùi Trọng Khiêm	
	21/11/2005	Thôn 5 - Mỏ Cây	Thôn 5 - Mỏ Cây	Phụ thuộc		Trần Thị Thu Hà	
	51205010163			Kinh, không			
205	Trần Tấn Nhật	Nông	Thôn 5 - Mỏ Cây	Làm nông	9/12.	Trần Tấn Nam	
	11/03/2005	Thôn 5 - Mỏ Cây	Thôn 5 - Mỏ Cây	Phụ thuộc		Trần Thị Vương	
	51205002699			Kinh, không			
206	Nguyễn Quang Tín	Nông	Thôn 5 - Mỏ Cây	Làm nông	9/12.	Nguyễn Mỹ Lôi	
	01/11/2003	Thôn 5 - Mỏ Cây	Thôn 5 - Mỏ Cây	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Thanh Trang	
	51203003306			Kinh, không			
207	Nguyễn Hữu Dũng	Nông	Thôn 5 - Mỏ Cây	Làm nông	9/12.	Nguyễn Văn Lá	
	24/4/2003	Thôn 5 - Mỏ Cây	Thôn 5 - Mỏ Cây	Phụ thuộc			
	51203013642			Kinh, không			
208	Trần Trung Hiền	Nông	Thôn 5 - Mỏ Cây	Làm nông	9/12.	Trần Thanh Thủy	
	02/03/2007	Thôn 5 - Mỏ Cây	Thôn 5 - Mỏ Cây	Phụ thuộc		Thần Thị Hương Thủy	
	51207010984			Kinh, không			
209	Lê Minh Quân	Nông	Thôn 5 - Mỏ Cây	Làm nông	9/12.	Lê Minh Việt	
	14/12/2007	Thôn 5 - Mỏ Cây	Thôn 5 - Mỏ Cây	Phụ thuộc		Lê Thị Diệu Huyền	
	51207020852			Kinh, không			
210	Tổng Lê Minh Nhất	Nông	Thôn 5 - Mỏ Cây	Làm nông	9/12.	Tông Minh Quang	
	02/03/2004	Thôn 5 - Mỏ Cây	Thôn 5 - Mỏ Cây	Phụ thuộc		Lê Thị Thủy	
	51204011506			Kinh, không			
211	Trần Ngọc Phát	Nông	Thôn 5 - Mỏ Cây	Làm nông	9/12.	Trần Văn Kiến	
	29/05/2007	Thôn 5 - Mỏ Cây	Thôn 5 - Mỏ Cây	Phụ thuộc		Trần Thị Thanh	
	51207017552			Kinh, không			
212	Huỳnh Thanh Phát	Nông	Thôn 5 - Mỏ Cây	Làm nông	12/12	Huỳnh Ngọc Thủy; 25/11/1976	
	25/4/2004	Thôn 5 - Mỏ Cây	Thôn 5 - Mỏ Cây	Phụ thuộc		Phạm Thị Thu Vân; 16/12/1976	
	51204008219			Kinh, không			
213	Trần Trung Huy	Nông	Thôn 5 - Mỏ Cây	Làm nông	12/12	Trần Thanh Thanh; 27/03/1982	
	26/09/2005	Thôn 5 - Mỏ Cây	Thôn 5 - Mỏ Cây	Phụ thuộc		Bùi Thị Thanh; 28/02/1982	
	51205008241			Kinh, không			

TT	Họ chữ đệm và tên khai sinh	- Nghề nghiệp	- Nơi thường trú của bản thân, gia đình	TP gia đình	- Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Ghi chú
	Họ chữ đệm và tên thường dùng	- Nơi làm việc	- Nơi ở hiện nay của bản thân	TP bản thân	- Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	- Nhóm, ngạch, bậc lương	- Nơi làm việc (nếu có)	Dân tộc, tôn giáo	- Đảng, đoàn	Họ và tên vợ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ ăn cước/CCCD						
214	Cao Xuân Du	Nông	Thôn 6 - Mô Cày	Làm nông	12/12	Cao Xuân Dương	
	30/11/2003	Thôn 6 - Mô Cày	Thôn 6 - Mô Cày	Phụ thuộc	ĐH	Lê Thị Kim Nga; 10/10/1977	
	51203013980			Kinh, không			
215	Võ Tấn Dũng	Nông	Thôn 6 - Mô Cày	Làm nông	12/12.	Võ Thái Thanh 1979	
	05/08/2001	Thôn 6 - Mô Cày	Thôn 6 - Mô Cày	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Vững 1978	
	51201002512			Kinh, không			
216	Nguyễn Văn Đại	Nông	Thôn 6 - Mô Cày	Làm nông	12/12	Nguyễn Quy	
	21/10/2003	Thôn 6 - Mô Cày	Thôn 6 - Mô Cày	Phụ thuộc	ĐH	Nguyễn Thị Mận	
	51203001774			Kinh, không			
217	Lê Tấn Thắng	Nông	Thôn 6 - Mô Cày	Làm nông	12/12	Lê Tấn Tâm; 02/6/1974	
	01/05/2003	Thôn 6 - Mô Cày	Thôn 6 - Mô Cày	Phụ thuộc	ĐH	Nguyễn Thị Tho; 16/9/1976	
	51203002064			Kinh, không			
218	Võ Tấn Tuyên	Nông	Thôn 6 - Mô Cày	Làm nông	12/12	Võ Tấn Thanh;	
	20/01/2005	Thôn 6 - Mô Cày	Thôn 6 - Mô Cày	Phụ thuộc		Ngô Thị Kiều Diễm	
	51205005545			Kinh, không			
219	Huỳnh Trung Kiên	Nông	Thôn 6 - Mô Cày	Làm nông	12/12	Huỳnh Văn Khuê	
	20/12/2003	Thôn 6 - Mô Cày	Thôn 6 - Mô Cày	Phụ thuộc	ĐH	Ng Thanh Lan Hương	
	51203014684			Kinh, không			
220	Võ Mạnh Tông	Nông	Thôn 6 - Mô Cày	Làm nông	12/12	Võ Mạnh Tới; 04/01/1973	
	16/9/2002	Thôn 6 - Mô Cày	Thôn 6 - Mô Cày	Phụ thuộc	ĐH	Trần Thị Minh Thư; 01/01/1980	
	51202007316			Kinh, không			
221	Võ Mạnh Tùng	Nông	Thôn 6 - Mô Cày	Làm nông	12/12	Võ Mạnh Tới; 04/01/1973	
	03/01/2001	Thôn 6 - Mô Cày	Thôn 6 - Mô Cày	Phụ thuộc	ĐH	Trần Thị Minh Thư; 01/01/1980	
	51201004521			Kinh, không			
222	Nguyễn Trung Trường	Nông	Thôn 6 - Mô Cày	Làm nông	12/12	Nguyễn Hà Đông; 17/4/1974	
	05/02/2002	Thôn 6 - Mô Cày	Thôn 6 - Mô Cày	Phụ thuộc	ĐH	Trần Thị Mỹ Vân; 25/4/1974	
	51202010908			Kinh, không			
223	Nguyễn Quốc Thịnh	Nông	Thôn 6 - Mô Cày	Làm nông	12/12	Nguyễn Hưng; 25/12/1973	
	05/04/2004	Thôn 6 - Mô Cày	Thôn 6 - Mô Cày	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Bích Khanh; 07/8/1978	
	51204009710			Kinh, không			
224	Nguyễn Ngọc Viên	Nông	Thôn 6 - Mô Cày	Làm nông	12/12	Nguyễn Văn Thành; 23/10/1969	
	25/2/2004	Thôn 6 - Mô Cày	Thôn 6 - Mô Cày	Phụ thuộc		Trương Thị Mộng Điệp; 15/7/1971	
	51204007830			Kinh, không			
225	Đàm Văn Hiếu	Nông	Thôn 6 - Mô Cày	Làm nông	12/12	Đàm Văn Ngọc; 10/10/1975	
	18/07/2002	Thôn 6 - Mô Cày	Thôn 6 - Mô Cày	Phụ thuộc	ĐH	Đoàn Thị Xuân Hương; 18/8/1974	
	51202007750			Kinh, không			
226	Nguyễn Văn Dường	Nông	Thôn 6 - Mô Cày	Làm nông	12/12	Nguyễn Văn Cư	
	20/6/2001	Thôn 6 - Mô Cày	Thôn 6 - Mô Cày	Phụ thuộc	CD	Trần Thị Hoa	
	51201007957			Kinh, không			
227	Nguyễn Quang Huy	Nông	Thôn 6 - Mô Cày	Làm nông	12/12	Nguyễn Văn Quyền; 11/11/1978	
	20/5/2003	Thôn 6 - Mô Cày	Thôn 6 - Mô Cày	Phụ thuộc	ĐH	Phan Thị Hoàng Lâm; 18/6/1984	
	51203002205			Kinh, không			
228	Nguyễn Tấn Vi	Nông	Thôn 6 - Mô Cày	Làm nông	12/12	Nguyễn Văn Hùng; 09/10/1969	
	24/7/2000	Thôn 6 - Mô Cày	Thôn 6 - Mô Cày	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Tâm; 1973	
	51200003485			Kinh, không			
	Phạm Văn Phúc	Nông	Thôn 6 - Mô Cày	Làm nông	12/12	Phạm Hưng; 16/6/1972	

TT	Họ chữ đệm và tên khai sinh Họ chữ đệm và tên thường dùng Ngày, tháng, năm sinh Số thẻ ăn cước/CCCD	- Nghề nghiệp - Nơi làm việc - Nhóm, ngạch, bậc lương	- Nơi thường trú của bản thân, gia đình - Nơi ở hiện nay của bản thân - Nơi làm việc (nếu có)	TP gia đình TP bản thân Dân tộc, tôn giáo	- Trình độ văn hóa, CMKT - Ngoại ngữ - Đảng, đoàn	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp Họ và tên vợ, năm sinh, nghề nghiệp	Ghi chú
229	05/10/2000 51200001823	Thôn 6 - Mô Cây	Thôn 6 - Mô Cây	Phụ thuộc Kinh, không		Trần Thị Hiệu; 25/12/1976	
230	Nguyễn Phạm Tuấn Tiên 20/12/2000 51200008059	Nông Thôn 6 - Mô Cây	Thôn 6 - Mô Cây Thôn 6 - Mô Cây	Làm nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Tuấn Tân Phạm Thị Thanh Huyền	
231	Nguyễn Văn Thắng 07/12/2004 51204002132	Nông Thôn 6 - Mô Cây	Thôn 6 - Mô Cây Thôn 6 - Mô Cây	Làm nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12 CD	Nguyễn Văn Cường; 25/12/1972 Ng Thị Thùy Trang; 08/8/1975	
232	Trần Thiện Quý 01/03/2007 51207016053	Nông Thôn 6 - Mô Cây	Thôn 6 - Mô Cây Thôn 6 - Mô Cây	Làm nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Trần Đình Quốc Lương Thị Bích Ly	
233	Nguyễn Võ Hoàng Cường 03/11/2007 51207012861	Nông Thôn 6 - Mô Cây	Thôn 6 - Mô Cây Thôn 6 - Mô Cây	Làm nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Hoàng Linh Võ Thị Kim Anh	
234	Lữ Huỳnh Thái Nguyễn 24/02/2007 51207000226	Nông Thôn 6 - Mô Cây	Thôn 6 - Mô Cây Thôn 6 - Mô Cây	Làm nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Lữ Thanh Liêm Huỳnh Thị Minh Ngọc	
235	Nguyễn Tấn Phát 28/01/2007 51207017600	Nông Thôn 6 - Mô Cây	Thôn 6 - Mô Cây Thôn 6 - Mô Cây	Làm nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Văn Hải Huỳnh Thị Mỹ Lợi	
236	Nguyễn Ngọc Trung 16/06/2007 51207021013	Nông Thôn 6 - Mô Cây	Thôn 6 - Mô Cây Thôn 6 - Mô Cây	Làm nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Ngọc Nhật Đặng Thị Kiều	
237	Lê Quang Dũng 09/09/2007 51207023007	Nông Thôn 6 - Mô Cây	Thôn 6 - Mô Cây Thôn 6 - Mô Cây	Làm nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Lê Quang Mua Nguyễn Thị Xuân Hương	
238	Nguyễn Tiến Nhật 01/04/2003 51203005839	Nông Thôn 6 - Mô Cây	Thôn 6 - Mô Cây Thôn 6 - Mô Cây	Làm nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Nguyễn Văn Kiếm; 02/10/1975 Trần Thị Thu Diệu; 1974	
239	Bùi Thế Nguyên 30/03/2007 51207010833	Nông Thôn 6 - Mô Cây	Thôn 6 - Mô Cây Thôn 6 - Mô Cây	Làm nông Phụ thuộc Kinh, không	12/12	Bùi Xuân Đạo Trương Thị Huyền	
240	Nguyễn Thành Công 02/04/2005 51205005196	Nông Thôn 6 - Mô Cây	Thôn 6 - Mô Cây Thôn 6 - Mô Cây	Làm nông Phụ thuộc Kinh, không	9/12.	Nguyễn Văn Đa Nguyễn Thị Liễu	
241	Võ Quốc Dũng 19/02/2004 51204008087	Nông Thôn 6 - Mô Cây	Thôn 6 - Mô Cây Thôn 6 - Mô Cây	Làm nông Phụ thuộc Kinh, không	9/12.	Võ Ngọc Hiếu Nguyễn Thị Dung	
242	Nguyễn Văn Trí 07/10/2002 51202010400	Nông Thôn 6 - Mô Cây	Thôn 6 - Mô Cây Thôn 6 - Mô Cây	Làm nông Phụ thuộc Kinh, không	9/12.	Nguyễn Văn Cường Nguyễn Thị Thu Thùy	
243	Nguyễn Văn Tài 20/05/2004 51204005859	Nông Thôn 6 - Mô Cây	Thôn 6 - Mô Cây Thôn 6 - Mô Cây	Làm nông Phụ thuộc Kinh, không	9/12.	Nguyễn Đại Đoàn Thị Thu Ba	
244	Võ Xuân Linh 10/01/2004	Nông Thôn 6 - Mô Cây	Thôn 6 - Mô Cây Thôn 6 - Mô Cây	Làm nông Phụ thuộc	9/12.	Võ Xuân Nho Đoàn Thị Thu Huệ	

TT	Họ chữ đệm và tên khai sinh Họ chữ đệm và tên thường dùng Ngày, tháng, năm sinh Số thẻ ăn cước/CCCD	- Nghề nghiệp - Nơi làm việc - Nhóm, ngạch, bậc lương	- Nơi thường trú của bản thân, gia đình - Nơi ở hiện nay của bản thân - Nơi làm việc (nếu có)	TP gia đình TP bản thân Dân tộc, tôn giáo	- Trình độ văn hóa, CMKT - Ngoại ngữ - Đảng, đoàn	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp Họ và tên vợ, năm sinh, nghề nghiệp	Ghi chú
	51204002235			Kinh, không			
245	Võ Xuân Việt	Nông	Thôn 6 - Mỏ Cây	Làm nông	9/12.	Võ Xuân Đại	
	01/04/2003	Thôn 6 - Mỏ Cây	Thôn 6 - Mỏ Cây	Phụ thuộc		Chế Thị Lệ Thị	
	51203002553			Kinh, không			
246	Trần Văn Tâm	Nông	Thôn 6 - Mỏ Cây	Làm nông	9/12.	Trần Văn Tiến	
	10/10/2003	Thôn 6 - Mỏ Cây	Thôn 6 - Mỏ Cây	Phụ thuộc		Trần Thị Gương	
	51203011488			Kinh, không			
247	Đỗ Mạnh Tiến	Nông	Thôn 6 - Mỏ Cây	Làm nông	9/12.	Đỗ Tấn Chi	
	23/01/2005	Thôn 6 - Mỏ Cây	Thôn 6 - Mỏ Cây	Phụ thuộc		Đoàn Thị Thu trang	
	77205009515			Kinh, không			
248	Nguyễn Tấn Viên	Nông	Thôn 6 - Mỏ Cây	Làm nông	9/12.	Nguyễn Tấn Đệ	
	04/06/2005	Thôn 6 - Mỏ Cây	Thôn 6 - Mỏ Cây	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Thiêm	
	51205013194			Kinh, không			
249	Trương Nhật Duy	Nông	Thôn 6 - Mỏ Cây	Làm nông	12/12	Trương Quang Tin	
	31/03/2007	Thôn 6 - Mỏ Cây	Thôn 6 - Mỏ Cây	Phụ thuộc		La Thị Mỹ Kiều	
	51207015098			Kinh, không			
250	Lê Gia Ninh	Nông	Thôn 6 - Mỏ Cây	Làm nông	12/12	Lê Quang Noi; 01/01/1969	
	22/10/2004	Thôn 6 - Mỏ Cây	Thôn 6 - Mỏ Cây	Phụ thuộc		Phạm Thị Mai Duyên; 19/04/1969	
	51204012119			Kinh, không			
251	Huỳnh Võ Ngọc Hải	Nông	Thôn 6 - Mỏ Cây	Làm nông	12/12	Huỳnh Văn Hùng; 1979	
	04/07/2003	Thôn 6 - Mỏ Cây	Thôn 6 - Mỏ Cây	Phụ thuộc		Võ Thị Thúy Kiều; 1987	
	51203009619			Kinh, không			
252	Nguyễn Đức Nhân	Nông	Thôn 6 - Mỏ Cây	Làm nông	CĐ	Nguyễn Đức Tĩnh; 1974	
	27/07/2002	Thôn 6 - Mỏ Cây	Thôn 6 - Mỏ Cây	Phụ thuộc		Lê Thị Thủy; 1978	
	51202006846			Kinh, không			
253	Trần Văn Nam	Nông	Thôn 6 - Mỏ Cây	Làm nông	12/12	Trần Văn Hà; 25/04/1965	
	20/10/2004	Thôn 6 - Mỏ Cây	Thôn 6 - Mỏ Cây	Phụ thuộc		Lê Thị Tân; 16/09/1969	
	51204003993			Kinh, không			
254	Nguyễn Lê Quốc	Nông	Thôn 6 - Mỏ Cây	Làm nông	12/12	Nguyễn Ngọc Việt; 06/10/1981	
	24/5/2005	Thôn 6 - Mỏ Cây	Thôn 6 - Mỏ Cây	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Kim Oanh; 15/08/1983	
	51205015842			Kinh, không			
255	Lê Quang Dũng	Nông	Thôn 6 - Mỏ Cây	Làm nông	12/12	Lê Quang Đông	
	26/03/2006	Thôn 6 - Mỏ Cây	Thôn 6 - Mỏ Cây	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Kim Châu; 26/04/1976	
	51206002742			Kinh, không			
256	Bùi Duy Long Nhật	Nông	Thôn 6 - Mỏ Cây	Làm nông	12/12	Bùi Mai Duy; 12/10/1981	
	27/11/2006	Thôn 6 - Mỏ Cây	Thôn 6 - Mỏ Cây	Phụ thuộc		Huỳnh Thị Thành Ngân	
	51206013552			Kinh, không			
257	Nguyễn Văn Tín	Nông	Thôn 6 - Mỏ Cây	Làm nông	9/12.	Nguyễn Văn Một	
	24/09/2002	Thôn 6 - Mỏ Cây	Thôn 6 - Mỏ Cây	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Bé	
	51202011490			Kinh, không			
258	Nguyễn Duy Hữu	Nông	Thôn 6 - Mỏ Cây	Làm nông	9/12.	Nguyễn Cao Viên	
	17/01/2003	Thôn 6 - Mỏ Cây	Thôn 6 - Mỏ Cây	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Lệ Huyền	
	51203003370			Kinh, không			
259	Trần Quốc Bảo	Nông	Thôn 6 - Mỏ Cây	Làm nông	9/12.	Trần Quốc Khải	
	08/11/2002	Thôn 6 - Mỏ Cây	Thôn 6 - Mỏ Cây	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Lan Thu	
	51202010501			Kinh, không			

TT	Họ chữ đệm và tên khai sinh	Nghề nghiệp	- Nơi thường trú của bản thân, gia đình	TP gia đình	- Trình độ văn hóa, CMKT	Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Ghi chú
	Họ chữ đệm và tên thường dùng	- Nơi làm việc	- Nơi ở hiện nay của bản thân	TP bản thân	- Ngoại ngữ	Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày, tháng, năm sinh	- Nhóm, ngạch, bậc lương	- Nơi làm việc (nếu có)	Dân tộc, tôn giáo	- Đảng, đoàn	Họ và tên vợ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Số thẻ ăn cước/CCCD						
260	Trương Quang Tâm	Nông	Thôn 6 - Mỏ Cây	Làm nông	9/12.	Trương Quang Khánh	
	01/02/2002	Thôn 6 - Mỏ Cây	Thôn 6 - Mỏ Cây	Phụ thuộc		Phạm Thị Ngọc Tuyền	
	51202007943			Kinh, không			